

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 25 – 6 – 2020.
“V/v tranh chấp: Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trần Hoàng Việt.

2/Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Hồng V, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2020 (Có mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thanh T, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Trong năm 2018, bà Huỳnh Thanh T có vay mượn bà Dương Hồng V nhiều lần với tổng số tiền 362.200.000 đồng. Bà V đã nhiều lần thương lượng, bàn bạc với bà T về khoản nợ trên nhưng bà T cố tình lẩn tránh không chịu trả nợ. Bà V đã làm

đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2019 của Ban nhân dân ấp C, thị trấn T bà T thừa nhận có nợ bà V tổng số tiền 362.200.000 đồng và xin trả dần mỗi ngày 200.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Sau khi được động viên của Ban hòa giải bà V cũng đồng ý cho bà T trả dần. Sau đó thì bà T trả nhiều lần được tổng cộng 22.900.000đ (Hai mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng) thì ngưng. Hiện nay còn nợ lại số tiền là 339.300.000đ (Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng).

Nay ông Phạm Văn H là người đại diện cho nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thanh T và chồng là ông Phạm Văn K cùng có nghĩa vụ trả nợ một lần với số tiền là 339.300.000đ (Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng). Không yêu cầu tính lãi.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết, bị đơn bà Huỳnh Thanh T trình bày:

Bà T thừa nhận có nợ bà Dương Hồng V tổng số tiền 339.300.000đ (Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng). Nhưng do làm ăn thất bại nên hiện nay bà T không có khả năng thanh toán một lần cho bà V. Bà T xin trả dần mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn K không có lời trình bày do vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ 339.300.000đ (Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng) là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn bà Dương Hồng V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Huỳnh Thanh T, ông Phạm Văn K có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ vay. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

- Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng bà Huỳnh Thanh T, ông Phạm Văn K mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông K, bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng vay tài sản giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Việc vay mượn tiền hai bên không có làm giấy tờ chỉ thỏa thuận bằng lời nói và mỗi bên tự ghi vào sổ của mình để ghi nhớ. Tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2019 của Ban nhân dân ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S bà T thừa nhận có nợ bà V tổng số tiền là 362.200.000 đồng. Sau đó thì thanh toán được 22.900.000đ (Hai mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng). Hiện còn nợ lại 339.300.000đ (Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng). Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà T đề nghị trả cho bà V mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) nhưng không được ông (đại diện cho bà V) đồng ý.

- Xét về quá trình thực hiện hợp đồng: Bà V đã thực hiện đúng nghĩa vụ của người cho vay được quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự. Còn bà T sau khi vay tiền đã không thực hiện đúng như đã thỏa thuận. Như vậy bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như lời trình bày của các đương sự đã có đủ cơ sở xác định bà Huỳnh Thanh T còn nợ bà Dương Hồng V số tiền 339.300.000đ (Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng) đồng là sự thật phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó bà V yêu cầu Tòa án buộc bà T hoàn trả số tiền còn nợ là có căn cứ. Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Đối với ông Phạm Văn K (chồng bà T). Quá trình giải quyết vụ án, ông K và bà T đều cho rằng ông K không biết rõ về số nợ này do bà T là người trực tiếp giao dịch. Tuy nhiên bà T cho biết việc vay mượn tiền với mục đích lấy vốn buôn bán làm ăn nhằm phục vụ cuộc sống chung của cả gia đình. Như vậy theo Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng và vợ hoặc chồng phải có nghĩa vụ chung về tài sản (Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình). Mặc dù ông K không trực tiếp vay mượn tiền nhưng ông K cũng phải có nghĩa vụ liên đới cùng với vợ là bà T hoàn trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy bà V yêu cầu Tòa án buộc cả ông K và bà T cùng có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Kiểm sát viên tại phiên tòa nêu quan điểm về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 463, Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Hồng V.

2. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Dương Hồng V số tiền còn nợ là 339.300.000đ (Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Dương Hồng V cho đến khi thi hành án xong mà vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Huỳnh Thanh T chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Huỳnh Thanh T phải liên đới nộp 16.965.000đ (Mười sáu triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí.

3.2. Bà Dương Hồng V không phải chịu án phí. Bà V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.620.000 đồng (Tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/ 0002040 ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng vợ chồng bà Huỳnh Thanh T, ông Phạm Văn K được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng